TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/TCDS-S
Ngày 08 - 8 - 2019
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hưng
2. Ông Hoàng Thanh Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST-TCDS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-TCDS ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Thanh B – Giám đốc Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Quảng Bình

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Xuân T - Phó trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Quảng Bình

Địa chỉ: Số 368 đường Quang Trung, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng D, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Bá Đ (chồng chị D)

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 04/4/2019, bản tự khai, người được nguyên đơn uỷ quyền lại ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ngày 24/8/2017, chị Trần Thị Hồng D đã ký với Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Quảng Bình (Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3832357/HĐTD để vay số tiền 46.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 11,3%/năm đến hết ngày 30/9/2017, từ ngày 01/10/2017 áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, phương thức trả nợ: trả gốc và lãi hàng tháng (ngày 15 hàng tháng), mục đích vay để thanh toán tiền mua sắm tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống.

Ngày 05/02/2018 , chị Trần Thị Hồng D đã ký với Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Quảng Bình (Ngân hàng) Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD để vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua sắm tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của mình, chị Trần Thị Hồng D đã sử dụng lương, thưởng hàng tháng doTrường THPT N, thị xã B chi trả; Giấy đề nghị vay vốn và giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi của chị D có xác nhận về thanh toán lương của Trường THPT N, thị xã B ngày 24/08/2017 và ngày 05/02/2018 để tín chấp cho Ngân hàng. Trong quá trình vay chị D không thực hiện đúng thỏa thuận, cam kết tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, mà chỉ trả được 14.000.000 đồng tiền gốc, 5.087.785 đồng tiền lãi của Hợp đồng tín dụng tín dụng số 01/2017/3832357/HĐTD ngày 24/08/2017 và trả số tiền lãi 1.128.686 đồng của Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD ngày 05/02/2018. Tính đến ngày 08/8/2019 chị Diệp còn nợ ngân hàng số tiền 57.054.186 đồng. Trong đó: nợ gốc 51.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 4.332.881 đồng, nợ lãi quá hạn 821.305

đồng. Vì vậy, để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng T đề nghị chị Trần Thị Hồng D phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi là 57.054.186 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu nhiều lần cho bị đơn chị Trần Thị Hồng D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Bá Đ nhưng chị D, anh Đ không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân, Công an phường Quảng Thọ cho thấy: Hiện chị D và anh Đ có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhưng chị D, anh Đ hiện nay không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 12/7/2019, Toà án mở phiên toà và triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên tòa nhưng chị D và anh Đ không có mặt nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, đồng thời tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên toà theo quy định của pháp luật. Ngày 08/8/2019, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên toà; Giấy triệu tập đến phiên toà nhưng chị D, anh Đ vẫn vắng mặt.Vì vậy,Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Trần Thị Hồng D và anh Trần Bá Đ; căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91, 94, và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc chị Trần Thị Hồng D phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 08/8/2019 cho Ngân hàng là 57.054.186 đồng (nợ gốc 51.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.332.881 đồng và nợ lãi quá hạn là 821.305 đồng). Trong đó anh Trần Bá Đ phải

liên đới trả nợ số tiền 19.900.000 đồng và lãi phát sinh cho ngân hàng theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD ngày 05/02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng T có đơn khởi kiện chị Trần Thị Hồng D, hiện tại chị D có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên toà vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Hồng D, song xét thấy, trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2019, Ngân hàng đã cung cấp đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của chị D, theo các Hợp đồng tín dụng vay vốn mà chị D đã ký với Ngân hàng. Nhưng hiện tại chị D không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú mà phía Ngân hàng cung cấp, khi thay đổi địa chỉ chị D, không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ để nhằm trốn tránh nghĩa vụ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Đối với anh Trần Bá Đ, vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị Hồng D và anh Trần Bá Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tín dụng số 01/2017/3832357/HĐTD, ngày 24/8/2017 và Hợp đồng tín dụng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD, ngày 05/02/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và chị Trần Thị Hồng D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự nên hoàn toàn hợp pháp. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện Hợp đồng chị D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm định

kỳ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu chị D trả nợ nhưng tính đến nay chị D chỉ trả được 14.000.000 đồng tiền gốc, 5.087.785 đồng tiền lãi của Hợp đồng tín dụng tín dụng số 01/2017/3832357/HĐTD ngày 24/08/2017 và trả số tiền lãi 1.128.686 đồng của Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD ngày 05/02/2018. Tổng cộng chị Diệp đã trả lãi của hai Hợp đồng số tiền là 6.216.471. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (08/8/2019) chị D còn nợ Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng tín dụng số 01/2017/3832357/HĐTD ngày 24/8/2017 số tiền là 35.205.485 đồng (trong đó nợ gốc 32.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.942.334 đồng, nợ lãi quá hạn là 263.151 đồng) và dư nợ tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD ngày 05/02/2018 số tiền là 21.848.701 đồng (trong đó nợ gốc 19.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.390.547 đồng, nợ lãi quá hạn là 558.154 đồng). Tổng cộng chị D còn nợ ngân hàng số tiền của cả hai Hợp đồng là 57.054.186 đồng. Trong đó nợ gốc 51.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.332.881 đồng và nợ lãi quá hạn là 821.305 đồng. Vì vậy, chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong các Hợp đồng tín dụng.

Đối với anh Trần Bá Đ, là người đã ký vào Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD ngày 05/02/2018 với tư cách là người liên quan để cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi ký Hợp đồng, chị D đã rút số tiền 19.900.000 đồng vào ngày 02/5/2018. Quá trình vay, chị D không trả được tiền gốc mà chỉ trả tiền lãi 1.128.686 đồng. Hiện nay chị D không trả được nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, cần buộc anh Đ phải có trách nhiệm liên đới để trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng cùng với chị D.

Như vậy, việc khởi kiện của Ngân hàng T, yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Hồng D phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 08/8/2019 là 57.054.186 đồng. Trong đó nợ gốc 51.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.332.881 đồng và nợ lãi quá hạn là 821.305 đồng theo các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị Hồng D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền chị Diệp phải nộp là (57.054.186 x 5%) = 2.852. 270 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Hồng D và anh Trần Bá Đ

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc chị Trần Thị Hồng D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 08/8/2019 là 57.054.186 đồng (nợ gốc 51.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.332.881 đồng và nợ lãi quá hạn là 821.305 đồng). Trong đó anh Trần Bá Đ phải liên đới trả nợ số tiền 21.448.701 đồng (trong đó, nợ gốc 19.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.390.547 đồng, nợ lãi quá hạn 558.154 đồng) tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/3832357/HĐTD ngày 05/02/2018.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng D phải nộp số tiền 2.852. 270 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền 1.357.309 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B theo biên lai thu số 000356 ngày 10/4/2019.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/8/2019) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà